TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 3 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 02/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 25/01/2024
V/v: "Ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 3 THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Huệ Chi

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Bà Nguyễn Thị Xuyến

2/ Bà Đặng Thị Ngọc Hằng

Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Dung – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhận dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Tuyết Sương - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 01 năm 2024, tại phòng xử án Tòa án nhân dân Quận 3, Tp. Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 404/TLST–HNGĐ ngày 10 tháng 8 năm 2023 về "Ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 46/2023/QĐXX- HNGĐ ngày 29 tháng 11 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 79/2023/QĐST-HNGĐ ngày 22 tháng 12 năm 2023 giữa các đương sự :

Nguyên đơn: Ông Lương Văn C, sinh năm 1968

Địa chỉ: số 153 đường A, Phường B, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh.

(Có đơn xin vắng mặt)

Bị đơn: Bà Lê Hồng C, sinh năm 1968

Địa chỉ: số 153 đường A, Phường B, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh.

(Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn ngày 10/8/2023 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Lương Văn C trình bày:

Ông và bà Lê Hồng C tự nguyện sống chung và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, TP. Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận kết hôn quyển số 01, số 02 cấp ngày 06/3/1995. Trong thời gian chung sống có 02 con tên Lương Gia B, sinh năm 1996 và Lương Gia P, sinh năm 2002.

Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Sau đó phát sinh mâu thuẫn từ năm 2015, nguyên nhân chính là bất đồng quan điểm sống, cuộc sống hôn nhân không còn hòa hợp. Cả hai không còn tiếng nói chung từ nhiều năm nay, một phần vì vợ chồng cũng đã lớn tuổi, hai con chung đã lớn nên không

còn nhiều gắn kết gia đình. Vợ chồng đã nhiều lần nói chuyện để cố gắng hàn gắn tình cảm nhưng không còn nhiều tình cảm nữa nên mọi nỗ lực đều không thành. Ông đã gửi đơn ly hôn một lần tại Tòa án nhân dân Quận 3, sau đó rút đơn để cả hai có thêm thời gian hàn gắn nhưng không được. Nay cả hai con đã lớn, ông thấy khả năng đoàn tụ không có, tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu được ly hôn bà C.

- Về con chung: Có 02 con tên Lương Gia B, sinh ngày 05/4/1996 và Lương Gia P, sinh ngày 28/7/2002 (Đã thành niên).

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn bà Lê Hồng C: Tòa án đã tiến hành tống đạt thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải hai lần, giấy triệu tập hợp lệ nhưng bà C không có mặt tại Tòa án nên không có lời khai và không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa hôm nay:

Nguyên đơn ông Lương Văn C có đơn xin xét xử vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu ly hôn; Về hai con chung: đã trưởng thành; Về tài sản chung: không yêu cầu giải quyết về tài sản.

Bị đơn bà Lê Hồng C vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Quá trình giải quyết, thu thập chứng cứ và tại phiên tòa Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng qui định của pháp luật; Đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định :

[1] Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền và thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn yêu cầu ly hôn với bị đơn có nơi cư trú và sinh sống tại Quận 3, căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự đây là vụ án tranh chấp về Hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 3, TP. Hồ Chí Minh.

Nguyên đơn có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa, căn cứ điểm a khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự để tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn.

Bị đơn đã được tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa và Giấy triệu tập để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Xét yêu cầu của các đương sự:

Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn quyển số 01, số 02 cấp ngày 06/3/1995 của Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, TP. Hồ Chí Minh thể hiện quan hệ hôn nhân giữa nguyên đơn và bị đơn là hợp pháp.

[3] Xét yêu cầu ly hôn:

Căn cứ kết quả xác minh tại Công an Phường D, Quận 3 hiện bị đơn bà C đang cư trú tại địa phương và đã được tống đạt hợp lệ thông báo hòa giải và giấy triệu tập nhưng vẫn không có mặt. Như vậy, thể hiện bà C không quyết tâm hàn gắn gia đình, không còn tha thiết với cuộc hôn nhân của mình.

Căn cứ Quyết định đình chỉ xét đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự số 33/2023/QĐST-HNGĐ ngày 11/4/2023 của Tòa án nhân dân Quận 3 thể hiện mâu thuẫn giữa cả hai đã có xảy ra, ông C đã cho bà C cơ hội hòa giải nhưng không được. Nay tình trạng mâu thuẫn không thể hàn gắn nên ông C tiếp tục nộp đơn xin ly hôn.

Xét tại các bản tự khai, các biên bản về việc không tiến hành hòa giải được của ông C thì mâu thuẫn từ năm 2015, nguyên nhân chính là bất đồng quan điểm sống, cuộc sống hôn nhân không còn hòa hợp. Cả hai không còn tiếng nói chung từ nhiều năm nay, một phần vì vợ chồng cũng đã lớn tuổi, hai con chung đã lớn nên không còn nhiều gắn kết gia đình. Vợ chồng đã nhiều lần nói chuyện để cố gắng hàn gắn tình cảm nhưng mọi nỗ lực đều không thành. Ông đã làm đơn ly hôn tại Tòa án nhân dân Quận 3, nhưng đã rút đơn để về nỗ lực nối lại tình cảm vợ chồng nhưng mọi hy vọng về việc đoàn tụ đều không đạt. Sau nhiều lần hòa giải để tiếp tục duy trì cuộc sống hôn nhân, nay ông thấy thời gian xa cách đã lâu, khả năng đoàn tụ không còn, khả năng đoàn tụ không có nên ông vẫn giữ nguyên yêu cầu được ly hôn bà C.

- Về con chung: Có 02 con tên Lương Gia B, sinh ngày 05/4/1996 và Lương Gia P, sinh ngày 28/7/2002 (Đã thành niên); Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Từ những nhận định trên, xét mâu thuẫn giữa các đương sự đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào quy định tại Điều 51, Điều 54, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nhận thấy yêu cầu ly hôn của nguyên đơn là có cơ sở, nên chấp nhận yêu cầu này. Về con chung: Có 02 con tên Lương Gia B, sinh ngày 05/4/1996 và Lương Gia P, sinh ngày 28/7/2002 (Đã thành niên); Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa giải quyết.

[4] Về án phí:

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án (ban hành kèm theo) thì bà Hương phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với vụ án ly hôn là 300.000 đồng.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; khoản 4 Điều 147; Điều 266; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 51; Điều 54; khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn

nhân và gia đình;

- Áp dụng Điều 26 Luật Thi hành án Dân sự;

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn ông Lương Văn C.

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Lương Văn C được ly hôn với bà Lê Hồng C.

- Về con chung: Có 02 con tên Lương Gia B, sinh ngày 05/4/1996 và Lương Gia P, sinh ngày 28/7/2002 (Đã thành niên).

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa giải quyết

2. Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0000820 ngày 10/8/2023 của Chi cục Thi hành án Dân sự Quận 3. Ông C đã nộp đủ án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn và bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày niêm yết hoặc được tống đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận :
- TAND TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND Quận 3;
- Chi cục THADS Quận 3;
- UBND xã T, Huyện C, TP. Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Huệ Chi